

Số: 102 /QĐ-ĐN5

Lâm Đồng, ngày 23 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt dự toán chi phí và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp: Cung cấp cây trồng tết năm 2026.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY THỦY ĐIỆN ĐỒNG NAI 5 – TKV

Căn cứ Quyết định số 130/QĐ-ĐLTKV ngày 03/02/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty điện lực TKV- CTCP về việc phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, chi nhánh của Tổng công ty điện lực TKV- CTCP;

Căn cứ Quyết định số 1590/QĐ-ĐN5 ngày 19/11/2024 của Công ty thủy điện Đồng Nai 5- TKV về việc ban hành Quy định về lựa chọn nhà cung hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trong Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV;

Căn cứ văn bản số 3793/ĐLTKV-KH ngày 25/12/2025 của Tổng Công ty điện lực-TKV về việc Tạm giao/Thông qua các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2026 của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV;

Căn cứ Quyết định số 2168/QĐ-ĐN5 ngày 29/12/2025 của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 - TKV;

Căn cứ kế hoạch số 2179/KH-ĐN5 ngày 30/12/2025 của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc xây dựng kế hoạch tổ chức Lễ phát động “ Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ ” Xuân Bính Ngọ năm 2026 ;

Căn cứ thư mời khảo sát, báo giá số 81/TMBG-ĐN5 ngày 19/01/2026 của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV;

Căn cứ báo giá của các nhà cung cấp ngày 21/01/2026.

Căn cứ báo cáo đánh giá so sánh giá của Tổ tư vấn ngày 22/01/2026;

Căn cứ báo cáo thẩm định dự toán chi phí, kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp ngày 23/01/2026 của Tổ thẩm định;

Theo đề nghị của Tổ tư vấn ngày 22/01/2026 về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp: Cung cấp cây trồng tết năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt dự toán chi phí và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp: Cung cấp cây trồng tết năm 2026 với nội dung như sau:

- Tên dự toán: Cung cấp cây trồng tết năm 2026;
- Giá trị dự toán: 167.800.000đồng (Bằng chữ: Một trăm sáu mươi bảy triệu

tám trăm nghìn đồng). Giá trên đã bao gồm các khoản thuế, phí lệ phí liên quan. Chi tiết như phụ lục 1 đính kèm.

3. Kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp:

- Tên gói cung cấp: Cung cấp cây trồng tết năm 2026.
- Nguồn vốn thực hiện: Chi phí SXKD năm 2026.
- Hình thức lựa chọn nhà cung cấp: Ký hợp đồng trực tiếp theo quy định tại Khoản 1, Điều 8 ban hành tại Quyết định số 1590/QĐ-ĐN5 ngày 19/11/2024.
- Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà cung cấp: Tháng 01 năm 2026
- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 200 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Địa điểm thực hiện: Nhà máy thủy điện Đồng Nai 5, địa chỉ: xã Bảo Lâm 5, tỉnh Lâm Đồng.

- Nội dung yêu cầu của gói cung cấp chi tiết như phụ lục 2 kèm theo.

Điều 2. Dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp được phê duyệt là căn cứ để tổ chức lựa chọn nhà cung cấp và các công tác khác có liên quan.

Điều 3. Giao cho phòng Kế hoạch Đầu tư – Vật tư, Tổ tư vấn, Tổ thẩm định tổ chức thực hiện lựa chọn nhà cung cấp đúng theo quy định hiện hành và giao cho Phòng Kỹ thuật an toàn thực hiện nghiệm thu của nhà cung cấp thực hiện gói cung cấp nêu trên.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các ông Phó giám đốc, Kế toán trưởng và Trưởng các phòng có liên quan trong Công ty căn cứ Quyết định thi hành. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Trang Website TKV (để đăng tải);
- Trang Website TCT (để đăng tải);
- Lưu: VT, TCKT, KHĐTVT, (D02).

GIÁM ĐỐC

Trần Văn Tuấn

PHỤ LỤC 1. BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN**Về việc Cung cấp cây trồng tết năm 2026***(Kèm theo Quyết định Số 102 /QĐ-ĐN5 ngày 23 tháng 01 năm 2026)*

STT	Tên công việc	Thành tiền trước thuế	Thuế GTGT	Thành tiền sau thuế	Ghi chú
1	Cung cấp cây trồng tết năm 2026	167.800.000	0	167.800.000	Phụ lục 1.1
	Tổng cộng	167.800.000	0	167.800.000	

(Bằng chữ: Một trăm sáu mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng).

PHỤ LỤC 1.1. BẢNG DỰ TOÁN ĐƠN GIÁ CHI TIẾT
Về việc Cung cấp cây trồng tết năm 2026
(Kèm theo Quyết định Số 102 /QĐ-ĐN5 ngày 23 tháng 01 năm 2026)

STT	Tên hàng hóa	Danh điểm, quy cách hàng hóa	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Cây mít ruột đỏ	Đường kính gốc từ 18cm đến 20cm , Chiều cao từ 2,2 mét đến 2,4 mét	Việt Nam	Cây	10	1.500.000	15.000.000	
2	Cây dừa xiêm	Đường kính gốc từ 55cm đến 60cm, Chiều cao 3 mét đến 3,2 mét	Việt Nam	Cây	20	2.000.000	40.000.000	
3	Cây chôm chôm thái	Đường kính gốc từ 18cm đến 20cm, Chiều cao 1,5 mét đến 1,7 mét	Việt Nam	Cây	5	2.000.000	10.000.000	
4	Cây bưởi da xanh	Đường kính gốc từ 12cm đến 15cm, Chiều cao 1,5 mét đến 1,7 mét.	Việt Nam	Cây	10	1.000.000	10.000.000	
5	Cây ổi	Đường kính gốc từ 12cm đến 15cm ,Chiều cao 1,5 mét đến 1,7 mét	Việt Nam	Cây	5	1.000.000	5.000.000	
6	Cây xoài thái	Đường kính gốc từ 12cm đến 15cm,Chiều cao 1,5 mét đến 1,7 mét	Việt Nam	Cây	10	1.200.000	12.000.000	
7	Cây khế chua	Đường kính gốc từ 12 đến 15cm, Chiều cao 1,2 mét đến 1,4 mét	Việt Nam	Cây	5	700.000	3.500.000	
8	Cây hồng xiêm	Đường kính gốc từ 18cm đến 20cm, Chiều cao 1,5 mét đến 1,7 mét	Việt Nam	Cây	7	1.800.000	12.600.000	
9	Cây cam đường	Đường kính gốc 12cm đến 15cm, Chiều cao 1,2 mét đến 1,4 mét	Việt Nam	Cây	10	1.400.000	14.000.000	
10	Cây cam sành	Đường kính gốc 12cm đến 15cm, Chiều cao 1,2 mét đến 1,4 mét	Việt Nam	Cây	5	1.400.000	7.000.000	
11	Cây nhãn	Đường kính gốc từ 18cm đến 20cm,Chiều cao 1,5 mét đến 1,7 mét	Việt Nam	Cây	7	1.300.000	9.100.000	
12	Cây mận an phước	Đường kính gốc 13cm đến 15cm ,Chiều cao 1,5 mét đến 1,7 mét	Việt Nam	Cây	5	1.500.000	7.500.000	

STT	Tên hàng hóa	Danh điểm, quy cách hàng hóa	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
13	Cây vú sữa lò rên	Đường kính gốc 10cm đến 12 cm, Chiều cao 1,2 mét đến 1,5 mét	Việt Nam	Cây	3	1.600.000	4.800.000	
14	Cây vú sữa Mika	Đường kính gốc 10cm đến 12 cm, Chiều cao 1,2 mét đến 1,5 mét	Việt Nam	Cây	3	1.600.000	4.800.000	
15	Phân vi sinh		Việt Nam	Kg	300	10.000	3.000.000	
16	Đất trộn trồng cây		Việt Nam	kg	1000	3.500	3.500.000	
17	Phân bò khô		Việt Nam	Bao	50	120.000	6.000.000	
Tổng cộng tiền đã bao gồm thuế							167.800.000	

(Số tiền bằng chữ: Một trăm sáu mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng).

PHỤ LỤC 2

NỘI DUNG YÊU CẦU CỦA GÓI CUNG CẤP

(Kèm theo Quyết định Số 102 /QĐ-ĐN5 ngày 23 tháng 01 năm 2026)

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. YÊU CẦU HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Mục 1: Tóm tắt nội dung của gói cung cấp hàng hóa

Mục 2: Tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất

Mục 3: Các yêu cầu về thương mại

Mục 4: Chi phí, đồng tiền và ngôn ngữ trong HS đề xuất

Mục 5: Nội dung HS đề xuất

Mục 6: Thời hạn hiệu lực của HS đề xuất

Mục 7: Nộp, tiếp nhận, mở HS đề xuất

Mục 8: Làm rõ HS đề xuất

Mục 9: Đánh giá HS đề xuất

Mục 10: Quyết định lựa chọn Nhà cung cấp

Mục 11: Hợp đồng

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA CUNG CẤP

Chương III. BIỂU MẪU

CHƯƠNG I. YÊU CẦU HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Mục 1: Tóm tắt nội dung của gói cung cấp

1. Tên gói cung cấp: Cung cấp cây trồng tết năm 2026.
2. Nguồn vốn thực hiện: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026;
3. Thời gian thực hiện hợp đồng: 200 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
4. Loại hợp đồng: đơn giá cố định.
5. Địa điểm giao hàng: Nhà máy thủy điện Đồng Nai 5, địa chỉ: xã Bảo Lâm 5, tỉnh Lâm Đồng.
6. Phạm vi cung cấp: Chi tiết như Chương II của Hồ sơ yêu cầu.

Mục 2: Tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất

1. Nhà cung cấp phải có bảng chào giá dự cung cấp có đầy đủ nội dung theo quy định tại mẫu số 2 đính kèm.
2. Nhà cung cấp phải đáp ứng về tư cách hợp lệ với các điều kiện sau đây:
 - Đăng ký thành lập, hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật;
 - Không đang trong quá trình bị giải thể, không bị kết luận đang lập vào tình trạng bị phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
 - Không có tên trong danh sách các Nhà cung cấp bị cấm tham dự quá trình của ĐLTKV và của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV.
3. Tài liệu đính kèm để chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp;
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Ban sao có chứng thực);
 - Có ít nhất 01 hợp đồng tương tự về cung cấp cây trồng tết tối thiểu 117.460.000 đồng;
 - Cam kết trong đơn chào giá đáp ứng về tư cách hợp lệ nêu tại Khoản 2, Mục 2, Chương I của Hồ sơ yêu cầu.

Mục 3. Các yêu cầu về thương mại

1. Giá chào: Giá chào là giá do Nhà cung cấp ghi trong đơn chào giá, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện đơn hàng tại địa điểm thực hiện cung cấp theo yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu, bao gồm cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp Nhà cung cấp chào giá không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp sẽ không đạt.
2. Trường hợp Nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể theo hình thức thư giảm giá riêng hoặc ghi trực tiếp vào đơn chào giá và bảo đảm Bên mời cung cấp nhận được trước thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất. Trong đề xuất giảm giá, Nhà cung cấp cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho toàn bộ đơn hàng.
3. Nhà cung cấp chào trọn gói cho toàn bộ các danh mục hàng hóa theo nội dung yêu cầu của gói cung cấp. Chi tiết tại Mẫu số 02 đính kèm.
4. Địa điểm giao hàng: Nhà máy thủy điện Đồng Nai 5, địa chỉ: xã Bảo Lâm 5, tỉnh Lâm Đồng.
5. Điều khoản thanh toán: Chi tiết như dự thảo hợp đồng đính kèm.

Mục 4. Chi phí, đồng tiền và ngôn ngữ trong Hồ sơ đề xuất

1. Nhà cung cấp phải chịu mọi khoản chi phí liên quan đến quá trình tham dự cung cấp dịch vụ;
2. Đồng tiền tham dự cung cấp dịch vụ và thanh toán là VNĐ;
3. Hồ sơ đề xuất cũng như tất cả các văn bản và các tài liệu liên quan đến Hồ sơ đề xuất được trao đổi giữa Bên mời cung cấp và Nhà cung cấp phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu hỗ trợ trong Hồ sơ đề xuất có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận đóng dấu của cơ quan dịch thuật. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời cung cấp có thể yêu cầu Nhà cung cấp gửi bổ sung.

Mục 5. Nội dung hồ sơ đề xuất

Nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc Hồ sơ đề xuất gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào giá theo Mẫu số 01, Chương III, Biểu chào giá chi tiết theo Mẫu số 02, Chương III.

Nhà cung cấp phải nộp Hồ sơ đề xuất có đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 02 Chương III - Biểu mẫu, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà Nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là Nhà cung cấp đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc đơn hàng, Nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong Hồ sơ mời chào giá với đúng giá đã chào.

2. Các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm của nhà cung cấp quy định tại Mục 2 của Chương này.

3. Bảng liệt kê chi tiết nội dung dịch vụ phù hợp với yêu cầu về phạm vi cung cấp nêu tại Chương II - Phạm vi, yêu cầu của dịch vụ, theo Mẫu số 04, Chương III-Biểu mẫu.

Mục 6. Thời hạn hiệu lực của Hồ sơ đề xuất

Thời gian có hiệu lực của Hồ sơ đề xuất giá là 60 ngày, kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất.

Mục 7. Nộp, tiếp nhận, mở Hồ sơ đề xuất.

1. Trường hợp nộp trực tiếp hoặc nộp qua đường bưu điện: Hồ sơ đề xuất phải được đóng trong phong bì dán kín có ghi đầy đủ tên, địa chỉ của nhà cung cấp, tên, số hiệu của gói cung cấp và ghi rõ Hồ sơ đề xuất không được mở trước 14 giờ 30 phút ngày 27 tháng 01 năm 2026, có niêm phong gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về địa chỉ: Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, số 10, đường Hoàng Văn Thụ, Phường I Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng không muộn hơn 14 giờ 30 phút ngày 27 **tháng 01 năm 2026**. Hồ sơ đề xuất được gửi đến Bên mời cung cấp sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất sẽ không được xem xét.

2. Hồ sơ đề xuất sẽ được mở một cách công khai tại Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, số 10, đường Hoàng Văn Thụ, Phường I Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng trong vòng 1 giờ kể từ khi có thời điểm đóng bản chào giá. Bên mời cung cấp và Nhà cung cấp đã nộp Hồ sơ đề xuất chứng kiến và xác nhận việc mở các Hồ sơ đề xuất, tuy nhiên trong mọi trường hợp việc mở Hồ sơ đề xuất vẫn được tiến hành vào thời gian đã được quy định trong Thư mời chào giá mà không phụ thuộc vào việc có mặt hay không của Nhà cung cấp này.

3. Các thông tin về nội dung chủ yếu của Hồ sơ đề xuất của các Nhà cung cấp bao gồm tối thiểu các nội dung: tên Nhà cung cấp, giá chào, thời gian có hiệu lực của Hồ sơ đề xuất sẽ được lập thành một biên bản chung để làm cơ sở đánh giá lựa chọn Nhà cung cấp.

4. Bên mời cung cấp chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong Hồ sơ cho đến khi công bố kết quả lựa chọn Nhà cung cấp.

Mục 8. Làm rõ Hồ sơ đề xuất

1. Sau khi mở Hồ sơ đề xuất, Nhà cung cấp có trách nhiệm làm rõ Hồ sơ đề xuất theo yêu cầu của Bên mời cung cấp. Trường hợp Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm thì Bên mời cung cấp yêu cầu Nhà cung cấp làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện. Đối với các nội dung đề xuất về dịch vụ cung cấp, tài chính nêu trong Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của Nhà cung cấp tham gia chào giá, không làm thay đổi nội dung cơ bản của Hồ sơ đề xuất đã nộp, không thay đổi giá chào.

2. Việc làm rõ Hồ sơ đề xuất giữa Nhà cung cấp và Bên mời cung cấp được thực hiện thông qua văn bản.

3. Trong thời gian 03 ngày kể từ ngày mở Hồ sơ đề xuất, trường hợp Nhà cung cấp phát hiện Hồ sơ đề xuất của mình thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện thì Nhà cung cấp được phép gửi tài liệu đến Bên mời cung cấp để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện của mình. Bên mời cung cấp có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của Nhà cung cấp để xem xét, đánh giá Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm được coi như một phần của Hồ sơ đề xuất.

4. Việc làm rõ Hồ sơ đề xuất chỉ được thực hiện giữa Bên mời cung cấp và Nhà cung cấp có Hồ sơ đề xuất cần phải làm rõ. Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện được coi là một phần của Hồ sơ đề xuất và được Bên mời cung cấp bảo quản như Hồ sơ đề xuất. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính nếu quá thời hạn làm rõ mà Nhà cung cấp không làm rõ được hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời cung cấp thì Bên mời cung cấp sẽ đánh giá Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp theo Hồ sơ đề xuất đã nộp hợp lệ trước đó.

Mục 9. Đánh giá Hồ sơ đề xuất

Việc đánh giá Hồ sơ đề xuất được thực hiện theo các quy định dưới đây:

1. Đánh giá về tính hợp lệ của Hồ sơ đề xuất:

Hồ sơ đề xuất được đánh giá là hợp lệ khi bao gồm đầy đủ các nội dung theo yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu được quy định tại Mục 2, Chương I của Hồ sơ yêu cầu.

(Đánh giá về tính hợp lệ của Hồ sơ đề xuất đạt mới chuyển qua Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm)

2. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

Đánh giá theo tiêu chí đạt/ không đạt để đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của Nhà cung cấp trên cơ sở các tiêu chí yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm được nêu tại Hồ sơ mời chào giá.

(Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của Hồ sơ đề xuất đạt mới chuyển qua Đánh giá về yêu cầu về kỹ thuật)

3. Đánh giá về yêu cầu về kỹ thuật:

Sử dụng tiêu chí đạt/ không đạt làm cơ sở để đánh giá về mặt kỹ thuật bao gồm:

- Nội dung, phạm vi cung cấp dịch vụ;
- Tiến độ cung cấp dịch vụ;
- Thời hạn cung cấp dịch vụ;
- Đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Mẫu số 05 Chương III
- Biểu mẫu.

(Đánh giá về yêu cầu về kỹ thuật của Hồ sơ đề xuất đạt mới chuyển qua Đánh giá về giá)

4. Đánh giá về giá:

- Xác định đơn giá đánh giá thấp nhất theo các bước sau:

+ Bước 1: Xác định đơn giá chào đối với dịch vụ nêu tại Chương II (đã bao gồm sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, nếu có).

+ Bước 2: Xác định giá đánh giá trên cơ sở quy về một mặt bằng.

Hồ sơ đề xuất có đáp ứng về nội yêu cầu về kỹ thuật và có giá thấp hơn hoặc bằng giá gói cung cấp được duyệt sẽ được đánh giá là đạt.

Mục 10. Quyết định lựa chọn Nhà cung cấp

Nhà cung cấp được xem xét, quyết định lựa chọn cung cấp dịch vụ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Hồ sơ đề xuất đáp ứng tất cả các yêu cầu trong Hồ sơ yêu cầu;

Mục 11. Hợp đồng

Nhà cung cấp được duyệt sẽ ký kết và thực hiện hợp đồng với Bên mời cung cấp với các nội dung hợp đồng bao gồm nhưng không giới hạn bởi các điều kiện chính theo Mẫu số 05 Chương III.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI CUNG CẤP

1. Tên gói cung cấp: Cung cấp cây trồng tết năm 2026;

Phạm vi, nội dung yêu cầu của cung cấp hàng hóa

Nội dung công việc và khối lượng thực hiện theo bảng danh mục sau:

STT	Tên dịch vụ thực hiện	Nội dung công việc thực hiện	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Cây mít ruột đỏ	Đường kính gốc từ 18cm đến 20cm , Chiều cao từ 2,2 mét đến 2,4 mét	Cây	10	
2	Cây dừa xiêm	Đường kính gốc từ 55cm đến 60cm, Chiều cao 3 mét đến 3,2 mét	Cây	20	
3	Cây chôm chôm thái	Đường kính gốc từ 18cm đến 20cm, Chiều cao 1,5 mét đến 1,7 mét	Cây	5	
4	Cây bưởi da xanh	Đường kính gốc từ 12cm đến 15cm, Chiều cao 1,5 mét đến 1,7 mét.	Cây	10	
5	Cây ổi	Đường kính gốc từ 12cm đến 15cm ,Chiều cao 1,5 mét đến 1,7 mét	Cây	5	
6	Cây xoài thái	Đường kính gốc từ 12cm đến 15cm,Chiều cao 1,5 mét đến 1,7 mét	Cây	10	
7	Cây khế chua	Đường kính gốc từ 12 đến 15cm, Chiều cao 1,2 mét đến 1,4 mét	Cây	5	
8	Cây hồng xiêm	Đường kính gốc từ 18cm đến 20cm, Chiều cao 1,5 mét đến 1,7 mét	Cây	7	
9	Cây cam đường	Đường kính gốc 12cm đến 15cm, Chiều cao 1,2 mét đến 1,4 mét	Cây	10	
10	Cây cam sành	Đường kính gốc 12cm đến 15cm, Chiều cao 1,2 mét đến 1,4 mét	Cây	5	
11	Cây nhãn	Đường kính gốc từ 18cm đến 20cm,Chiều cao 1,5 mét đến 1,7 mét	Cây	7	
12	Cây mận an phước	Đường kính gốc 13cm đến 15cm ,Chiều cao 1,5 mét đến 1,7 mét	Cây	5	
13	Cây vú sữa lò rèn	Đường kính gốc 10cm đến 12 cm, Chiều cao 1,2 mét đến 1,5 mét	Cây	3	
14	Cây vú sữa Mika	Đường kính gốc 10cm đến 12 cm, Chiều cao 1,2 mét đến 1,5 mét	Cây	3	
15	Phân vi sinh		Kg	300	
16	Đất trộn trồng cây		kg	1000	
17	Phân bò khô		Bao	50	

CHƯƠNG III. BIỂU MẪU**ĐƠN CHÀO GIÁ**

Ngày: *[Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào giá]*

Tên gói cung cấp: *[Ghi tên gói dịch vụ theo Hồ sơ yêu cầu]*

Kính gửi: *[Điền tên đầy đủ của Bên mời cung cấp]*

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ yêu cầu góimà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, *[Ghi tên Nhà cung cấp]*, cam kết thực hiện cung cấp *[Ghi tên gói dịch vụ]* theo đúng yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là *[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]* cùng với Bảng giá chào và các điều kiện thương mại chi tiết như Mẫu số 2 đính kèm. Thời gian thực hiện hợp đồng là

[Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Hồ sơ chào giá này.
2. Không đang trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không có tên trong danh sách các Nhà cung cấp bị cấm tham dự quá trình của ĐLTKV và của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV

Nếu Hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết thực hiện cung cấp hàng hóa đảm bảo đúng chất lượng, số lượng theo yêu cầu của Bên mời cung cấp.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian *[Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng gói chào cung cấp]*.

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHÀO CỬA GÓI CUNG CẤP**Cung cấp cây trồng tết năm 2026**Ngày: *[Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]*Tên gói cung cấp: *[Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ yêu cầu]*

STT	Tên hàng hóa	Danh điểm, quy cách hàng hóa	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Cây mít ruột đỏ	Đường kính gốc từ 18cm đến 20cm , Chiều cao từ 2,2 mét đến 2,4 mét		Cây	10			
2	Cây dừa xiêm	Đường kính gốc từ 55cm đến 60cm, Chiều cao 3 mét đến 3,2 mét		Cây	20			
3	Cây chôm chôm thái	Đường kính gốc từ 18cm đến 20cm, Chiều cao 1,5 mét đến 1,7 mét		Cây	5			
4	Cây bưởi da xanh	Đường kính gốc từ 12cm đến 15cm, Chiều cao 1,5 mét đến 1,7 mét.		Cây	10			
5	Cây ổi	Đường kính gốc từ 12cm đến 15cm ,Chiều cao 1,5 mét đến 1,7 mét		Cây	5			
6	Cây xoài thái	Đường kính gốc từ 12cm đến 15cm,Chiều cao 1,5 mét đến 1,7 mét		Cây	10			
7	Cây khế chua	Đường kính gốc từ 12 đến 15cm, Chiều cao 1,2 mét đến 1,4 mét		Cây	5			
8	Cây hồng xiêm	Đường kính gốc từ 18cm đến 20cm, Chiều cao 1,5 mét đến 1,7 mét		Cây	7			

STT	Tên hàng hóa	Danh điểm, quy cách hàng hóa	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
9	Cây cam đường	Đường kính gốc 12cm đến 15cm, Chiều cao 1,2 mét đến 1,4 mét		Cây	10			
10	Cây cam sành	Đường kính gốc 12cm đến 15cm, Chiều cao 1,2 mét đến 1,4 mét		Cây	5			
11	Cây nhãn	Đường kính gốc từ 18cm đến 20cm, Chiều cao 1,5 mét đến 1,7 mét		Cây	7			
12	Cây mận an phước	Đường kính gốc 13cm đến 15cm, Chiều cao 1,5 mét đến 1,7 mét		Cây	5			
13	Cây vú sữa lò rèn	Đường kính gốc 10cm đến 12 cm, Chiều cao 1,2 mét đến 1,5 mét		Cây	3			
14	Cây vú sữa Mika	Đường kính gốc 10cm đến 12 cm, Chiều cao 1,2 mét đến 1,5 mét		Cây	3			
15	Phân vi sinh			Kg	300			
16	Đất trộn trồng cây			kg	1000			
17	Phân bò khô			Bao	50			
Tổng cộng tiền đã bao gồm thuế								

(Bằng chữ:.....)

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 03

CÁC ĐIỀU KIỆN THƯƠNG MẠI

Ngày: [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào giá]

Tên gói: [Ghi tên gói cung cấp theo Hồ sơ yêu cầu]

1. Địa điểm thực hiện:

2. Tiến độ thực hiện cung cấp hàng hóa:

3. Thanh toán:

4. Các tài liệu đính kèm hồ sơ đề xuất

BẢN KÊ CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG PHẠM VI CUNG CẤP

Ngày: [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào giá]

Tên gói: [Ghi tên gói cung cấp theo Hồ sơ yêu cầu]

Bảng liệt kê chi tiết danh mục cung cấp hàng hóa được chào giá, phải ghi đầy đủ tiến độ thực hiện đáp ứng theo yêu cầu nêu tại Chương II của Hồ sơ yêu cầu.

DỰ THẢO HỢP ĐỒNG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****HỢP ĐỒNG****Số: /2026/HĐSXKD- ĐN5****Về việc Cung cấp cây trồng Tết Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV
năm 2026**

Căn cứ Luật dân sự ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 27/6/2005;

Căn cứ quyết định số /QĐ-ĐN5 ngày / /2026 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV về việc phê duyệt dự toán chi phí và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp: Cung cấp cây trồng Tết năm 2026;

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng ngày / /2026 giữa Công ty thủy điện Đồng Nai 5-TKV và

Căn cứ quyết định số /QĐ-ĐN5 ngày / /2026 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp: Cung cấp cây trồng Tết năm 2026;

Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay ngày tháng năm 2026, tại Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, số 10, đường Hoàng Văn Thụ, P1 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, Chúng tôi gồm có:

Bên A (Bên mua): Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKVĐại diện là ông: **Trần Văn Tuấn** Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: số 10 đường Hoàng Văn Thụ, P1, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Điện thoại: 02633976888

Fax: 02633974888.

Tài khoản: 1020831973, tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, CN Bảo Lộc, Lâm Đồng.

Mã số thuế: 0104297034-007

BÊN B: (Bên bán):

Đại diện: Ông : Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện Thoại :

Tài khoản số:

Mã số thuế :

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng

Bên B đồng ý cung cấp cho bên A các mặt hàng với đơn giá, số lượng chi tiết như phụ lục 01 đính kèm.

Điều 2. Thành Phần Hợp đồng.

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Quyết định phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp.
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp.
4. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của bên A

- Bên A kiểm tra hàng hóa về chủng loại, số lượng, chất lượng của hàng hóa và ký nhận vào biên bản giao nhận hàng và các chứng từ thanh toán để xác nhận là đã nhận đầy đủ hàng hóa do Bên B giao.

- Bên A có trách nhiệm nhận và bảo quản và sử dụng hàng hóa theo đúng cách thức mà Bên B đã hướng dẫn.

- Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán đúng theo quy định của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong hợp đồng.

- Bên A từ chối nhận hàng hóa không đúng chất lượng, chủng loại theo hợp đồng.

- Bên A được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng nếu Bên B :

+ Bỏ dở công việc cung cấp hàng hóa hoặc thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng.

+ Chậm tiến độ hoàn thành việc cung cấp hàng hóa và bàn giao cho Bên A quá 7 ngày so với quy định của hợp đồng mà không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A.

+ Giao cho Nhà thầu phụ dưới bất kỳ hình thức nào để thực hiện toàn bộ công việc của hợp đồng này mà không được sự chấp thuận của Bên A.

Trong mỗi trường hợp trên Bên A có thể bằng cách thông báo cho nhà thầu trước 2 ngày và chấm dứt hợp đồng. Sau khi chấm dứt hợp đồng hai bên làm biên bản thanh lý.

- Cung cấp các thông tin tài liệu liên quan đến công việc để Bên B thực hiện theo hợp đồng.

- Các quyền khác theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 4. Trách nhiệm của bên B

- Bên B có trách nhiệm giao hàng hóa cho Bên A đúng chất lượng, số lượng, chủng loại, quy cách. Hàng hóa do Bên B cung cấp phải đảm bảo là cây còn đầy đủ rễ và xanh tươi.

- Bên B phải đảm bảo cung cấp hàng hóa theo đúng thời hạn đã thỏa thuận của hợp đồng.

- Bên B phải phối hợp cùng với Bên A kiểm tra hàng hóa và lập biên bản bàn giao và nghiệm thu hàng hóa khi hoàn thành.

Điều 5. Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán

5.1 Giá trị hợp đồng:

- Tổng Giá trị Hợp đồng: đồng (Bằng chữ:). Giá trên đã bao gồm các khoản thuế, phí lệ phí liên quan. Chi tiết như phụ lục 1 đính kèm.

- Tạm ứng hợp đồng: Bên B không tạm ứng nhưng bên B vẫn đảm bảo chất lượng và tiến độ cung cấp theo hợp đồng.

5.2 Phương thức thanh toán:

- a) Hình thức thanh toán: chuyển khoản
- b) Thời hạn thanh toán: Bên A sẽ thanh toán cho Bên B trong vòng 90 ngày kể từ ngày Bên A nhận được 05 bộ hồ sơ thanh toán đầy đủ các chứng từ hợp lệ.
- c) Số lần thanh toán:
 - Tạm ứng: Bên B không tạm ứng nhưng vẫn đảm bảo tiến độ, chất lượng thực hiện hợp đồng.
 - Thanh toán: Bên A sẽ thanh toán 100% giá trị hợp đồng trong vòng 90 ngày kể từ ngày Bên B xuất trình đầy đủ 05 bộ các giấy tờ sau:
 - + Đề nghị thanh toán của Bên B.
 - + Bảng tổng hợp giá trị đề nghị thanh toán
 - + Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán
 - + Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành.
 - + Cam kết bảo hành.
 - + Hóa đơn theo quy định của Bộ Tài chính.
 - + Hợp đồng bản photo.
 - Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

d. Điều chỉnh thuế: Được phép điều chỉnh thuế trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế của Nhà nước có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định.

Điều 6. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: Đơn giá cố định

Điều 7. Thời gian và địa điểm thực hiện hợp đồng:

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 200 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (Tiến độ cấp hàng hóa 20 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực).
 - + Trường hợp vì lý do khách quan, do sự kiện bất khả kháng mà thời gian thực hiện hợp đồng, tiến độ cung cấp hàng hóa không đúng với thời hạn hợp đồng thì các bên phải xem xét, thống nhất để ký phụ lục gia hạn.
 - + Trường hợp vì lý do chủ quan mà bên B chậm quá thời gian thực hiện hợp đồng, tiến độ cấp hàng hóa theo hợp đồng thì Bên B phải chịu phạt do vi phạm hợp đồng quy định tại **Điều 10** của hợp đồng này.
- Địa điểm giao hàng: Nhà Máy thủy điện Đồng Nai 5, xã Bảo Lâm 5, tỉnh Lâm Đồng.

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau: Có phát sinh các vấn đề về tiến độ thực hiện hợp đồng, khối lượng và các nội dung phát sinh khác với nội dung nêu tại Điều 1 của Hợp đồng và các vấn đề khác liên quan.

2. Trường hợp phát sinh các nội dung công việc ngoài phạm vi hợp đồng, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 9. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có

vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên B chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 10. Bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng

a) Nếu một trong hai bên không thực hiện đầy đủ các trách nhiệm của mình ghi trong hợp đồng thì dẫn đến thiệt hại kinh tế cho bên kia thì bên vi phạm phải chịu bồi thường thiệt hại 100% giá trị thực tế thiệt hại cho bên kia.

b) Các hình thức phạt

- Trường hợp Bên B vi phạm chậm thời gian thực hiện hợp đồng, thời gian cung cấp hàng hóa do lỗi chủ quan thì Bên B sẽ chịu phạt 2% giá trị phần hợp đồng vi phạm/ 1 ngày chậm, tổng giá trị tiền phạt không quá 8% giá trị phần vi phạm hợp đồng và Bên A xem xét chấm dứt hợp đồng nếu cần.

- Phạt thanh toán chậm: Nếu Bên A chậm thanh toán theo quy định tại Điều 5 của hợp đồng thì phải bồi thường cho Bên B với mức lãi suất bằng lãi suất cho vay trong hạn (phần trăm của năm) của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam tính từ ngày hết hạn thanh toán cho khoản tiền vi phạm.

c) Khấu trừ tiền phạt và bồi thường thiệt hại: Khấu trừ vào tiền thanh toán hoặc nộp trực tiếp hoặc chuyển khoản.

d) Thưởng: Không áp dụng.

e) Sau khi hợp đồng có hiệu lực nếu một bên vi phạm hợp đồng thì bên tuân thủ hợp đồng có quyền đòi bên vi phạm hợp đồng bồi thường tất cả các tổn thất bao gồm các chi phí như:

- Chi phí kiện tụng.
- Chi phí đi lại.
- Chi phí luật sư.
- Chi phí giám định.
- Chi phí khác (Nếu có).

Điều 11. Bảo Hành

1. Thời hạn bảo hành: Bên B (nhà cung cấp) có trách nhiệm bảo hành cây trồng trong thời hạn 180 ngày kể từ ngày nghiệm thu bàn giao cây trồng tại hiện trường và được Bên A xác nhận bằng biên bản nghiệm thu.

2. Phạm vi bảo hành:

Bảo hành áp dụng đối với toàn bộ cây trồng theo hợp đồng, bảo đảm các yêu cầu sau:

- Cây đúng chủng loại, giống, quy cách, chiều cao, đường kính gốc theo hồ sơ hợp đồng;
- Cây sinh trưởng bình thường, bén rễ, phát triển ổn định;
- Không bị chết, héo, thối rễ, sâu bệnh nặng hoặc suy kiệt do chất lượng giống, kỹ thuật trồng, vận chuyển hoặc chăm sóc ban đầu không đúng quy trình.

3. Trách nhiệm bảo hành của Bên B.

Trong thời gian bảo hành, nếu cây trồng bị chết, sinh trưởng kém hoặc không đạt yêu cầu kỹ thuật do lỗi của Bên B, thì:

- Bên B phải thay thế cây mới cùng chủng loại, quy cách trong vòng 07–15 ngày kể từ khi nhận được thông báo của Bên A;
- Mọi chi phí liên quan đến việc thay thế (cây giống, vận chuyển, trồng lại, chăm sóc ban đầu) do Bên B chịu trách nhiệm và không làm phát sinh chi phí cho Bên A;
- Thời gian bảo hành đối với cây thay thế được tính lại từ ngày nghiệm thu cây trồng thay thế.

4. Các trường hợp không thuộc phạm vi bảo hành:

Bên B không chịu trách nhiệm bảo hành trong các trường hợp sau:

- Cây bị chết hoặc hư hỏng do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh bất khả kháng;
- Cây bị hư hỏng do Bên A hoặc bên thứ ba tác động trái quy định kỹ thuật;
- Cây bị hư hỏng do điều kiện đất đai, nguồn nước, môi trường thay đổi bất thường không được Bên A thông báo trước cho Bên B.

5. Cam kết bảo hành: Nhà cung cấp phải có văn bản cam kết bảo hành 180 ngày kể từ ngày nghiệm thu.

6. Xử lý vi phạm nghĩa vụ bảo hành.

Trường hợp Bên B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ bảo hành theo hợp đồng, Bên A có quyền:

- Tự tổ chức thay thế cây trồng và khấu trừ chi phí từ tiền bảo hành; hoặc
- Yêu cầu Bên B bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật.

Điều 12. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế: Thông qua Tòa kinh tế có thẩm quyền thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; Quyết định của Tòa kinh tế được coi là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc thi hành với cả hai Bên. Bên thua kiện sẽ phải chịu mọi chi phí.

Điều 13. Hiệu lực của hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày các bên ký kết.
2. Hợp đồng hết hiệu lực nếu Bên B không thực hiện nghĩa vụ thực hiện hợp đồng theo quy định.
3. Sau khi hai bên hoàn thành các nghĩa vụ, thanh toán, trách nhiệm theo các điều khoản nêu trên không vướng mắc thì Hợp đồng sẽ tự thanh lý.

4. Hợp đồng được lập thành 07 (bảy) bộ, Bên A giữ 05 (năm) bộ, Bên B giữ 02 (hai) bộ, để làm cơ sở thực hiện hợp đồng, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN CỦA BÊN A
GIÁM ĐỐC

ĐẠI DIỆN CỦA BÊN B
CHỦ CỬA HÀNG

Trần Văn Tuấn

PHỤ LỤC 1
(Kèm theo hợp đồng số/2026/HĐSXKD-ĐN5)

stt	Tên hàng hóa	Nhãn hiệu, quy cách	Xuất xứ	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Cây mít ruột đỏ	Đường kính gốc từ 18cm đến 20cm , Chiều cao từ 2,2 mét đến 2,4 mét		Cây	10			
2	Cây dừa xiêm	Đường kính gốc từ 55cm đến 60cm, Chiều cao 3 mét đến 3,2 mét		Cây	20			
3	Cây chôm chôm thái	Đường kính gốc từ 18cm đến 20cm, Chiều cao 1,5 mét đến 1,7 mét		Cây	5			
4	Cây bưởi da xanh	Đường kính gốc từ 12cm đến 15cm, Chiều cao 1,5 mét đến 1,7 mét.		Cây	10			
5	Cây ổi	Đường kính gốc từ 12cm đến 15cm ,Chiều cao 1,5 mét đến 1,7 mét		Cây	5			
6	Cây xoài thái	Đường kính gốc từ 12cm đến 15cm,Chiều cao 1,5 mét đến 1,7 mét		Cây	10			
7	Cây khế chua	Đường kính gốc từ 12 đến 15cm, Chiều cao 1,2 mét đến 1,4 mét		Cây	5			
8	Cây hồng xiêm	Đường kính gốc từ 18cm đến 20cm, Chiều cao 1,5 mét đến 1,7 mét		Cây	7			
9	Cây cam đường	Đường kính gốc 12cm đến 15cm, Chiều cao 1,2 mét đến 1,4 mét		Cây	10			
10	Cây cam sành	Đường kính gốc 12cm đến 15cm, Chiều cao 1,2 mét đến 1,4 mét		Cây	5			
11	Cây nhãn	Đường kính gốc từ 18cm đến 20cm,Chiều cao 1,5 mét đến 1,7 mét		Cây	7			
12	Cây mận an phước	Đường kính gốc 13cm đến 15cm ,Chiều cao 1,5 mét đến 1,7 mét		Cây	5			
13	Cây vú sữa lò rèn	Đường kính gốc 10cm đến 12 cm, Chiều cao 1,2 mét đến 1,5 mét		Cây	3			
14	Cây vú sữa Mika	Đường kính gốc 10cm đến 12 cm, Chiều cao 1,2 mét đến 1,5 mét		Cây	3			

stt	Tên hàng hóa	Nhãn hiệu, quy cách	Xuất xứ	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
15	Phân vi sinh			Kg	300			
16	Đất trộn trồng cây			kg	1000			
17	Phân bò khô			Bao	50			
Tổng cộng								

(Bằng chữ:).